

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14-5-2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ma Thị Nghị;

Bà Hoàng Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị [Vừ Thị S](#), sinh năm 2004. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh [Vàng Seo P](#), sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: [Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Vừ Thị S](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh [V](#) Seo Phử tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2019, đến ngày 25/4/2022 anh chị đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang \(nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang\)](#). Sau khi về chung sống và kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh [P](#) có hành vi đánh chị [S](#) một lần, chị [S](#) bỏ về nhà bố mẹ để ở, sau đó được hai bên gia đình khuyên bảo anh [P](#) đến đón chị [S](#) về nhà và hứa sửa chữa. Được một thời gian anh [P](#) lại có hành vi đánh đập, bóp cổ chị, cầm dao kề vào cổ đe dọa nhiều lần. Xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, chị [S](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Vàng Seo P](#).

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu [Vàng Quyền P1](#), sinh ngày 28/7/2021 và cháu [Vàng Quốc C](#), sinh ngày 24/8/2023. Khi ly hôn chị [S](#) có nguyện vọng giao cháu [P1](#) và cháu [C](#) cho anh [P](#) nuôi dưỡng. Chị [S](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập đối với anh [Vàng Seo P](#), ngày 30/01/2026 anh [P](#) có văn bản cung cấp cấp lời khai nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại bản tự khai anh [P](#) xác nhận: Về thời gian chung sống, việc tự nguyện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và con chung như chị [S](#) trình bày là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh [P](#) xác nhận có được đánh duy nhất một cái vào lưng chị [S](#), nguyên nhân là do chị [S](#) đòi ra ở riêng, anh [P](#) không nhất trí ra ở riêng do chưa chuẩn bị được gì và đề nghị sau 03 tháng nữa mới ra ở riêng. Chị [S](#) không nhất trí, cho rằng nếu không ra ở riêng ngay thì sẽ có người chết. Sau đó chị [S](#) bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh [P](#) đã đến đón 02 lần nhưng chị [S](#) không về, sau đó chị [S](#) có đơn khởi kiện đề nghị ly hôn với anh [P](#). Xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa, anh [P](#) nhất trí ly hôn với chị [S](#). Về con chung: Anh [P](#) đề nghị được nuôi hai con là cháu [Vàng Quyền P1](#), sinh ngày 28/7/2021 và cháu [Vàng Quốc C](#), sinh ngày 24/8/2023, không yêu cầu chị [S](#) cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án chị [Vừ Thị S](#) có đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa, anh [Vàng Seo P](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Vừ Thị S](#) về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh [Vàng Seo P](#).

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Vừ Thị S](#) được ly hôn với anh [Vàng Seo P](#).

3. Về con chung: Giao cháu [Vàng Quyền P1](#), sinh ngày 28/7/2021 và cháu [Vàng Quốc C](#), sinh ngày 24/8/2023 cho anh Vàng Seo P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị [S](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh [Vàng Seo P](#), sinh năm 2000. Địa chỉ: [Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang](#), do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị [Vừ Thị S](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vàng Seo P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, quá trình giải quyết vụ án anh [P](#) có văn bản nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng anh [P](#) vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị [Vừ Thị S](#) và anh [Vàng Seo P](#) có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2022 tại [UBND xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang \(nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang\)](#), vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là anh chị không tìm được tiếng nói chung, không hiểu và chia sẻ được với nhau những vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng, anh [P](#) đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án anh Vàng Seo P đã có bản tự khai nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua đó nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và cấp dưỡng, tài sản chung, công nợ chung. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị [S](#) và anh [P](#) đã thực sự trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Vừ Thị S](#) đối với anh [Vàng Seo P](#).

[3] *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu [Vàng Quyền P1](#), sinh ngày 28/7/2021 và cháu [Vàng Quốc C](#), sinh ngày 24/8/2023. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt chị [S](#) và Anh [P](#) đều nhất trí giao các con chung cho anh Vàng Seo P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị [S](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Các đương sự đã thống nhất được về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị [Vừ Thị S](#) là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Vừ Thị S](#) về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh [Vàng Seo P](#).

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị [Vừ Thị S](#) được ly hôn với anh [Vàng Seo P](#).

3. Về con chung: Giao cháu [Vàng Quyền P1](#), sinh ngày 28/7/2021 và cháu [Vàng Quốc C](#), sinh ngày 24/8/2023 cho anh [V](#) Seo Phử trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị [S](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị [S](#) và anh [P](#) có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị [Vừ Thị S](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị [S](#) đã nộp theo biên lai thu số 0000017 ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc